CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ CÔNG BỐ HỢP QUY

Số: 02/2026/CBHQ/TN/LA VIE

Tên tổ chức, cá nhân: **CÔNG TY TNHH LA VIE**

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, Khu phố Tường Khánh, Phường Khánh Hậu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.

Điện thoại: 027 23511801 Fax: 0272 3511740

E-mail: VNInfo@laviewater.com

CÔNG BỐ:

Sản phẩm: **NƯỚC KHOÁNG THIÊN NHIÊN LA VIE BỔ SUNG GA**

Thành phần: Nước khoáng thiên nhiên (99,41%), khí Carbon dioxyd (CO_2) (0,59%).

Quy cách đóng gói: Đóng chai với thể tích thực 450 ml và các quy cách khác như được sản xuất và công bố trong Bản tự công bố sản phẩm tương ứng tại từng thời điểm.

Phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật:

QCVN 6-1:2010/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với nước khoáng thiên nhiên và nước uống đóng chai.

Thông tin bổ sung:

- Thông tư 14/2026/TT-BKHCN ngày 09/04/2026 của Bộ Khoa Học và Công Nghệ quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

- Kết quả tự đánh giá hợp quy của Công ty TNHH La Vie số 01/2026/CBHQ/TN/LA VIE, ngày 09/11/2026.

- Phiếu kết quả thử nghiệm số Q326A130563 (MTTN26019135.R1) ngày 03/11/2026 của Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng 3.

- Phương thức đánh giá sự phù hợp: Phương thức 1 - Thử nghiệm mẫu đại diện cho kiểu, loại sản phẩm, hàng hóa.

Loại hình đánh giá:

+ Tự đánh giá: Theo báo cáo tự đánh giá hợp quy số 01/2026/CBHQ/TN/LA VIE, ngày 09/11/2026 của Công ty TNHH La Vie.

Cam kết: Công ty TNHH La Vie cam kết và chịu trách nhiệm về tính phù hợp của sản phẩm Nước khoáng thiên nhiên La Vie không ga do công ty sản xuất, kinh doanh, bảo quản, vận chuyển, sử dụng.

Tây Ninh, ngày 05 tháng 11 năm 2026

Đại diện Tổ chức, cá nhân

(Ký tên, chức vụ, đóng dấu)

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 1100101187 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN LA VIE
T. TÂY NINH - VIỆT NAM

Đỗ Hữu Hào

CÔNG TY TNHH LA VIE	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
-------	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 02/2026/CBHQ/TN/LA VIE	*Tây Ninh, ngày 05 tháng 11 năm 2026*

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ HỢP QUY

1. **Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY TNHH LA VIE**

   Địa chỉ trụ sở chính: Quốc lộ 1A, Khu phố Tường Khánh, Phường Khánh Hậu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.

   Điện thoại: 027 23511801 Fax: 0272 3511740

2. **Tên sản phẩm: NƯỚC KHOÁNG THIÊN NHIÊN LA VIE BỔ SUNG GA**

   Thành phần: Nước khoáng thiên nhiên (99,41%), khí Carbon dioxyd (CO_2) (0,59%).

   Đóng chai tại nguồn: Khánh Hậu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.

3. **Địa điểm, ngày đánh giá:**
   Địa điểm: Công ty TNHH La Vie
   Ngày đánh giá: 09/11/2026

4. **Số hiệu quy chuẩn kỹ thuật áp dụng:**

   QCVN 6-1:2010/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với nước khoáng thiên nhiên và nước uống đóng chai.

5. **Tên tổ chức thử nghiệm sản phẩm:**

   Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng 3 (Quatest 3).

6. **Đánh giá về kết quả thử nghiệm theo quy chuẩn kỹ thuật áp dụng:**

6.1. Phương thức đánh giá:

Phương thức 1: Chứng nhận thông qua thử nghiệm mẫu đại diện cho kiểu, loại sản phẩm, hàng hóa

6.2. Đánh giá sự phù hợp của mẫu thử nghiệm:

- Các chỉ tiêu phân tích đối với mẫu nước thử nghiệm theo yêu cầu tại QCVN 6-1:2010/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với nước khoáng thiên nhiên và nước uống đóng chai.

- Kết quả thử nghiệm chất lượng Nước khoáng thiên nhiên La Vie không ga theo phiếu kiểm nghiệm số Q326A130563 (MTTN26019135.R1) ngày 03/11/2026 của Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng 3.

CÁC CHỈ TIÊU HÓA HỌC

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 6-1:2010/BYT	Kết quả kiểm nghiệm (*)	Đánh giá
1	Stibi	mg/l	≤ 0,005	Không phát hiện (LOD = 0,003)	Đạt
2	Arsen	mg/l	≤ 0,01	0,001	Đạt

3	Bari	mg/l	≤ 0,7	0,06	Đạt
4	Bor	mg/l	≤ 5	0,04	Đạt
5	Cadmi	mg/l	≤ 0,003	Không phát hiện (LOD = 0,0005)	Đạt
6	Crom	mg/l	≤ 0,05	Không phát hiện (LOD = 0,003)	Đạt
7	Đồng	mg/l	≤ 1	Không phát hiện (LOD = 0,01)	Đạt
8	Cyanid	mg/l	≤ 0,07	Không phát hiện (LOD = 0,005)	Đạt
9	Fluorid	mg/l	– [2] (≤ 1)	0,4	Đạt
10	Chì	mg/l	≤ 0,01	Không phát hiện (LOD = 0,003)	Đạt
11	Mangan	mg/l	≤ 0,4	Không phát hiện (LOD = 0,01)	Đạt
12	Thủy ngân	mg/l	≤ 0,001	Không phát hiện (LOD = 0,0002)	Đạt
13	Nickel	mg/l	≤ 0,02	Không phát hiện (LOD = 0,003)	Đạt
14	Nitrat, tính theo ion nitrat	mg/l	≤ 50	0,7	Đạt
15	Nitrit, tính theo ion nitrit	mg/l	≤ 0.1	Không phát hiện LOD = 0,02)	Đạt
16	Selen	mg/l	≤ 0,01	Không phát hiện (LOD = 0,003)	Đạt
17	Các chất hoạt động bề mặt	mg/l	– [3]	Không phát hiện (LOD = 0,05)	Đạt
18	Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật và PCB (polyclo biphenyl)				
18.1	Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật clo hữu cơ	µg/l	– [3]	Không phát hiện	Đạt
18.2	Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật nhóm cúc tổng hợp	µg/l	– [3]	Không phát hiện (LOD = 0,1)	Đạt
18.3	Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật họ carbamate	µg/l	– [3]	Không phát hiện (LOD = 0,7)	Đạt
18.4	Dư lượng thuốc trừ cỏ (ngoài trừ MCPA)	µg/l	– [3]	Không phát hiện (LOD = 0,7)	Đạt
18.5	Dư lượng thuốc trừ cỏ (MCPA)	µg/l	– [3]	Không phát hiện (LOD = 0,3)	Đạt
18.6	Hàm lượng PCB (polyclo biphenyl)	µg/l	– [3]	Không phát hiện (LOD = 0,02)	Đạt
19	Dầu khoáng	mg/l	– [3]	Không phát hiện (LOD = 0,1)	Đạt
20	Các hydrocarbon thơm đa vòng	µg/l	– [3]	Không phát hiện (LOD = 0,2)	Đạt

CÁC CHỈ TIÊU VI SINH VẬT

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 6-1:2010/BYT	Kết quả kiểm nghiệm	Đánh giá
1	E. coli hoặc coliform chịu nhiệt	CFU/250ml	Không phát hiện được trong bất kỳ mẫu nào	< 1 (*)	Đạt
2	Coliform tổng số	CFU/250ml	Nếu số vi khuẩn ≥ 1 và ≤ 2 thì kiểm tra lần thứ hai. Nếu số vi khuẩn > 2 thì loại bỏ	< 1 (*)	Đạt
3	Streptococci feacal	CFU/250ml		< 1 (*)	Đạt
4	Pseudomonas aeruginosa	CFU/250ml		< 1 (*)	Đạt
5	Bào tử vi khuẩn kị khí khử sulfit	CFU/50ml		< 1 (*)	Đạt

– [2]: Theo điểm b, khoản 2.3.3, mục 2 của quy chuẩn QCVN 6-1:2010/BYT.
– [3]: Phải nhỏ hơn giới hạn định lượng quy định của phương pháp thử tương ứng.
(*) Kết quả "< 1 CFU" được xem là không phát hiện vi sinh vật mục tiêu trong phần mẫu thử nghiệm.

7. Kết luận:

Sản phẩm Nước khoáng thiên nhiên La Vie không ga phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật QCVN 6-1:2010/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với nước khoáng thiên nhiên và nước uống đóng chai.

8. Cam kết:

Công ty TNHH La Vie cam kết chất lượng sản phẩm Nước khoáng thiên nhiên La Vie không ga phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn công bố áp dụng và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa và kết quả tự đánh giá.

Người đánh giá
(ký và ghi rõ họ tên)

Đỗ Tấn Dũng

Xác nhận của lãnh đạo tổ chức, cá nhân
(ký tên, chức vụ, đóng dấu)

M.S.D.N: 1100101187 - C.T.T.N.H.H - CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN LA VIE - T. TÂY NINH - VIỆT NAM

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Đỗ Hữu Hào

ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA
QUATEST 3®
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3
VILAS 004
ISO/IEC 17025:2017
Head Office: 49 Pasteur, Sai Gon ward, HCMC, Vietnam - Tel: (84-28) 3829 4274 - Fax: (84-28) 3829 3012 - E-mail: info@quatest3.com.vn - Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: ⊙ No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Tran Bien ward, Dong Nai, Vietnam ⊙ C5 lot, D1 road, Cat Lai IZ, Cat Lai ward, HCMC, Vietnam ⊙ 1196 3/2 street, Binh Thoi ward, HCMC, Vietnam

Q326A130563 (MTTN26019135.R1)	**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** *TEST REPORT*	03/11/2026 Trang/ *Page:* 1/11

Phiếu kết quả này thay thế cho phiếu kết quả số Q326A130563 (MTTN26019135) ngày 30/10/2026
This test report replaces the test report No. Q326A130563 (MTTN26019135) date 30/10/2026

1. Tên mẫu / *Name of sample* : **NƯỚC KHOÁNG THIÊN NHIÊN LA VIE BỔ SUNG GA**
Thời gian lấy mẫu / Sampling date: 15h59, 13/10/2026

2. Mô tả mẫu / *Description* : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp / *Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.*
- Dạng mẫu: lỏng / *Form: liquid*
- Dụng cụ chứa: chai thủy tinh / *Container: glass vial*
- Số đơn vị/mẫu: 450 mL x 20 / *Unit/sample: 450 mL x 20*

3. Số lượng mẫu / *Quantity* : 01

4. Ngày nhận mẫu / *Date of receipt* : 15/10/2026

5. Thời gian thử nghiệm / *Testing duration* : 15/10/2026 - 30/10/2026

6. Nơi gửi mẫu / *Customer* : **CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN LA VIE**
Quốc lộ 1A, Khu phố Tường Khánh, Phường Khánh Hậu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

7. Kết quả thử nghiệm / *Testing result (s)* : Xem trang tiếp theo / *Refer to next page(s)*

KT. GIÁM ĐỐC / *FOR DIRECTOR*

TL. TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG
PP. HEAD OF ENVIRONMENTAL LAB.

Nguyễn Công Chính

PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ★ TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3 ★ ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA

Phan Thành Trung

1.Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report .
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Head Office: 49 Pasteur, Sai Gon ward, HCMC, Vietnam - Tel: (84-28) 3829 4274 - Fax: (84-28) 3829 3012 - E-mail: info@quatest3.com.vn - Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Tran Bien ward, Dong Nai, Vietnam C5 lot, D1 road, Cat Lai IZ, Cat Lai ward, HCMC, Vietnam 1196/32 Street, Binh Thoi ward, HCMC, Vietnam

Q326A130563
(MTTN26019135.R1)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

03/11/2026

STT *No.*	Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Đơn vị tính *Unit*	Phương pháp thử *Test method*	Kết quả thử nghiệm *Test Result*	Giới hạn phát hiện *Limit of Detection*
7.1	Hàm lượng bicarbonate (HCO_3^-) *Bicarbonate content*	mg/L	SMEWW 2320B:2023	284	-
7.2	Hàm lượng canxi (Ca) *Calcium content*	mg/L	SMEWW 3120B:2023	12,9	-
7.3	Hàm lượng kali (K) *Potassium content*	mg/L	SMEWW 3111B:2023	2,48	-
7.4	Hàm lượng magie (Mg) *Magnesium content*	mg/L	SMEWW 3120B:2023	4,36	-
7.5	Hàm lượng natri (Na) *Sodium content*	mg/L	SMEWW 3111B:2023	105	-
7.6	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) *Total dissolved solids content*	mg/L	SMEWW 2540C:2023	351	-
7.7	Độ pH *pH value*	-	TCVN 6492:2011	5,3	-
7.8	Hàm lượng stibi (Sb) *Antimoni content*	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003
7.9	Hàm lượng asen (As) *Arsenic content*	mg/L	US EPA 200.8	0,001	-
7.10	Hàm lượng bari (Ba) *Barium content*	mg/L	US EPA 200.8	0,06	-
7.11	Hàm lượng borat tính theo bor (B) *Borate calculated for boron content*	mg/L	US EPA 200.8	0,04	-
7.12	Hàm lượng cadmi (Cd) *Cadmium content*	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,0005
7.13	Hàm lượng crom (Cr) *Chromium content*	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003

1.Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report .
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Head Office: 49 Pasteur, Sai Gon ward, HCMC, Vietnam - Tel: (84-28) 3829 4274 - Fax: (84-28) 3829 3012 - Email: dh.cs@quatest3.com.vn - Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Tran Bien ward, Dong Nai, Vietnam C5 lot, D1 road, Cat Lai IZ, Cat Lai ward, HCMC, Vietnam 1196 3/2 street, Binh Thoi ward, HCMC, Vietnam

Q326A130563
(MTTN26019135.R1)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

03/11/2026

STT *No.*	Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Đơn vị tính *Unit*	Phương pháp thử *Test method*	Kết quả thử nghiệm *Test Result*	Giới hạn phát hiện *Limit of Detection*
7.14	Hàm lượng đồng (Cu) *Copper content*	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,01
7.15	Hàm lượng cyanid (CN^-) *Cyanide content*	mg/L	TCVN 6181:1996	KPH	0,005
7.16	Hàm lượng fluorid (F^-) *Fluoride content*	mg/L	SMEWW 4110B:2023	0,4	-
7.17	Hàm lượng chì (Pb) *Lead content*	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003
7.18	Hàm lượng mangan (Mn) *Manganese content*	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,01
7.19	Hàm lượng thủy ngân (Hg) *Mercury content*	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,0002
7.20	Hàm lượng niken (Ni) *Nickel content*	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003
7.21	Hàm lượng nitrat (NO_3^-) *Nitrate content*	mg/L	SMEWW 4110B:2023	0,7	-
7.22	Hàm lượng nitrit (NO_2^-) *Nitrite content*	mg/L	SMEWW 4110B:2023	KPH	0,02
7.23	Hàm lượng selen (Se) *Selenium content*	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003
7.24	Hàm lượng chất hoạt động bề mặt anion *Anion surfactant content*	mg/L	TCVN 6622-1:2009	KPH	0,05
7.25	Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật clo hữu cơ *Organochlorine pesticide residues*	-	US EPA 3510C & US EPA 8270E	-	-
7.25.1	Aldrin *Aldrin*	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05

1.Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report .
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Head Office: 49 Pasteur, Sai Gon ward, HCMC, Vietnam - Tel: (84-28) 3829 4274 - Fax: (84-28) 3829 3012 - E-mail: info@quatest3.com.vn - Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Tran Bien ward, Dong Nai, Vietnam C5 lot, D1 road, Cat Lai IZ, Cat Lai ward, Ho Chi Minh City, Vietnam 2 street, Binh Thoi ward, HCMC, Vietnam

Q326A130563
(MTTN26019135.R1)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

03/11/2026

STT *No.*	Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Đơn vị tính *Unit*	Phương pháp thử *Test method*	Kết quả thử nghiệm *Test Result*	Giới hạn phát hiện *Limit of Detection*
7.25.2	HCB *HCB*	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05
7.25.3	4,4'-DDD *4,4'-DDD*	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05
7.25.4	4,4'-DDE *4,4'-DDE*	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05
7.25.5	4,4'-DDT *4,4'-DDT*	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05
7.25.6	dieldrin *Dieldrin*	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05
7.25.7	α-endosulfan *α-Endosulfan*	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05
7.25.8	β-endosulfan *β-Endosulfan*	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05
7.25.9	Endosulfan-sulfate *Endosulfan-sulfate*	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05
7.25.10	Endrin *Endrin*	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05
7.25.11	α-HCH *α-HCH*	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05

1.Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report .
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326A130563
(MTTN26019135.R1)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

03/11/2026

STT *No.*	Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Đơn vị tính *Unit*	Phương pháp thử *Test method*	Kết quả thử nghiệm *Test Result*	Giới hạn phát hiện *Limit of Detection*
7.25.12	β-HCH *β-HCH*	-	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05
7.25.13	γ-HCH *γ-HCH*	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05
7.25.14	δ-HCH *δ-HCH*	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05
7.25.15	Heptachlor *Heptachlor*	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05
7.25.16	Heptachlor-epoxide *Heptachlor-epoxide*	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05
7.25.17	Methoxychlor *Methoxychlor*	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05
7.26	Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật nhóm cúc tổng hợp *Pyrethroid pesticide residues*	-	US EPA 3510C & US EPA 8270E	-	-
7.26.1	Permethrin *Permethrin*	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,1
7.26.2	Cypermethrin *Cypermethrin*	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,1
7.26.3	Fenvalerate *Fenvalerate*	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,1

1.Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. */ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report .
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326A130563
(MTTN26019135.R1)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

03/11/2026

STT *No.*	Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Đơn vị tính *Unit*	Phương pháp thử *Test method*	Kết quả thử nghiệm *Test Result*	Giới hạn phát hiện *Limit of Detection*
7.26.4	Deltamethrin *Deltamethrin*	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,1
7.27	Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật họ carbamate *Carbamate pesticide residues*	-	US EPA 8321B	-	-
7.27.1	Oxamyl *Oxamyl*	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.27.2	Methomyl *Methomyl*	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.27.3	Aldicarb *Aldicarb*	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.27.4	Carbofuran *Carbofuran*	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.27.5	Carbaryl *Carbaryl*	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.27.6	Propoxur *Propoxur*	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.27.7	Isoprocarb *Isoprocarb*	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.27.8	Methiocarb *Methiocarb*	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.27.9	Imidacloprid *Imidacloprid*	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.27.10	Thiabendazole *Thiabendazole*	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.27.11	Carbendazime *Carbendazime*	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.27.12	Aldicarb sulfone *Aldicarb sulfone*	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report .
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326A130563
(MTTN26019135.R1)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

03/11/2026

STT *No.*	Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Đơn vị tính *Unit*	Phương pháp thử *Test method*	Kết quả thử nghiệm *Test Result*	Giới hạn phát hiện *Limit of Detection*
7.27.13	Aldicarb sulfoxide *Aldicarb sulfoxide*	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.27.14	Fenobucarb *Fenobucarb*	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.28	Dư lượng thuốc trừ cỏ *Herbicide residues*	-	US EPA 8321B	-	-
7.28.1	2,4,5-T *2,4,5-T*	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.28.2	2,4-D *2,4-D*	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.28.3	2,4-DB *2,4-DB*	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.28.4	Dichloprop (2,4-DP) *Dichloprop (2,4-DP)*	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.28.5	Fenoprop *Fenoprop*	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.28.6	MCPA *MCPA*	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,3
7.28.7	Mecoprop (MCPP) *Mecoprop (MCPP)*	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.28.8	Fipronil *Fipronil*	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.28.9	Bentazone *Bentazone*	µg/L	US EPA 8321B	KPH	0,7
7.29	Hàm lượng polychlorinated biphenyls (PCBs) *Polychlorinated biphenyls content*	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	-	-
7.29.1	PCB-18 *PCB-18*	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,02

1.Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report .
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326A130563
(MTTN26019135.R1)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

03/11/2026

STT *No.*	Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Đơn vị tính *Unit*	Phương pháp thử *Test method*	Kết quả thử nghiệm *Test Result*	Giới hạn phát hiện *Limit of Detection*
7.29.2	PCB-28 *PCB-28*	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,02
7.29.3	PCB-31 *PCB-31*	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,02
7.29.4	PCB-44 *PCB-44*	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,02
7.29.5	PCB-52 *PCB-52*	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,02
7.29.6	PCB-101 *PCB-101*	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,02
7.29.7	PCB-118 *PCB-118*	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,02
7.29.8	PCB-138 *PCB-138*	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,02
7.29.9	PCB-149 *PCB-149*	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,02
7.29.10	PCB-153 *PCB-153*	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,02
7.29.11	PCB-170 *PCB-170*	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,02

1.Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report .
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Head Office: 49 Pasteur, Sai Gon ward, HCMC, Vietnam - Tel: (84-28) 3829 4274 - Fax: (84-28) 3829 3012 - E-mail: info@quatest3.com.vn - Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Tran Bien ward, Dong Nai, Vietnam C5 lot, D1 road, Cat Lai IZ, Cat Lai ward, HCMC, Vietnam 49196 Y/z street, Binh Thoi ward, HCMC, Vietnam

Q326A130563
(MTTN26019135.R1)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

03/11/2026

STT *No.*	Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Đơn vị tính *Unit*	Phương pháp thử *Test method*	Kết quả thử nghiệm *Test Result*	Giới hạn phát hiện *Limit of Detection*
7.29.12	PCB-180 *PCB-180*	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,02
7.29.13	PCB-194 *PCB-194*	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,02
7.29.14	PCB-209 *PCB-209*	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,02
7.30	Hàm lượng dầu khoáng *Hydrocacbon content*	mg/L	ISO 9377-2:2000	KPH	0,1
7.31	Hàm lượng hydrocarbon thơm đa vòng (PAHs) *Polycylic aromatic hydrocarbon (PAHs)*	µg/L	SMEWW 6440C:2023	-	-
7.31.1	Acenaphthene *Acenaphthene*	µg/L	SMEWW 6440C:2023	KPH	0,2
7.31.2	Acenaphthylene *Acenaphthylene*	µg/L	SMEWW 6440C:2023	KPH	0,2
7.31.3	Anthracene *Anthracene*	µg/L	SMEWW 6440C:2023	KPH	0,2
7.31.4	Benzo(a)anthracene *Benzo(a)anthracene*	µg/L	SMEWW 6440C:2023	KPH	0,2
7.31.5	Benzo(a)pyrene *Benzo(a)pyrene*	µg/L	SMEWW 6440C:2023	KPH	0,2
7.31.6	Benzo(b)fluoranthene *Benzo(b)fluoranthene*	µg/L	SMEWW 6440C:2023	KPH	0,2
7.31.7	Benzo(k)fluoranthene *Benzo(k)fluoranthene*	µg/L	SMEWW 6440C:2023	KPH	0,2
7.31.8	Benzo(g,h,i)perylene *Benzo(g,h,i)perylene*	µg/L	SMEWW 6440C:2023	KPH	0,2

1.Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. */ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report .
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326A130563
(MTTN26019135.R1)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

03/11/2026

STT *No.*	Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Đơn vị tính *Unit*	Phương pháp thử *Test method*	Kết quả thử nghiệm *Test Result*	Giới hạn phát hiện *Limit of Detection*
7.31.9	Chrysene *Chrysene*	µg/L	SMEWW 6440C:2023	KPH	0,2
7.31.10	Dibenzo(a,h)anthracene *Dibenzo(a,h)anthracene*	µg/L	SMEWW 6440C:2023	KPH	0,2
7.31.11	Fluoranthene *Fluoranthene*	µg/L	SMEWW 6440C:2023	KPH	0,2
7.31.12	Fluorene *Fluorene*	µg/L	SMEWW 6440C:2023	KPH	0,2
7.31.13	Indeno(1,2,3-c,d)pyrene *Indeno(1,2,3-c,d)pyrene*	µg/L	SMEWW 6440C:2023	KPH	0,2
7.31.14	Naphthalene *Naphthalene*	µg/L	SMEWW 6440C:2023	KPH	0,2
7.31.15	Phenanthrene *Phenanthrene*	µg/L	SMEWW 6440C:2023	KPH	0,2
7.31.16	Pyrene *Pyrene*	µg/L	SMEWW 6440C:2023	KPH	0,2
7.32	Coliforms	CFU/250mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	<1(c)	-
7.33	Escherichia coli	CFU/250mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	<1(c)	-
7.34	Pseudomonas aeruginosa	CFU/250mL	ISO 16266:2006	<1(c)	-
7.35	Enterococci (Streptococci faecal)	CFU/250mL	ISO 7899-2:2000 (QCVN 06-1:2010/BYT)	<1(c)	-
7.36	Bào tử vi khuẩn kỵ khí khử sulfit (Clostridia) *Sulfite - reducing anaerobes*	CFU/50mL	ISO 6461-2:1986	<1(c)	-

1.Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report .
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Head Office: 49 Pasteur, Sai Gon ward, HCMC, Vietnam - Tel: (84-28) 3829 4274 - Fax: (84-28) 3829 3012 - Email: info@quatest3.com.vn Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Tran Bien ward, Dong Nai, Vietnam C5 lot, D1 road, Cat Lai IZ, Cat Lai ward, HCMC, Vietnam 1196 3/2 street, Binh Thoi ward, HCMC, Vietnam

Q326A130563
(MTTN26019135.R1)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

03/11/2026

Ghi chú / *Note*:

- CFU: Đơn vị hình thành khuẩn lạc / *Colony forming unit*
- ISO: International Organization for Standardization / *International Organization for Standardization*
- KPH: Không phát hiện / *Not detected*
- QCVN: Quy Chuẩn Kỹ Thuật Quốc Gia / *National Technical Regulation*
- SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater / *Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater*
- TCVN: Tiêu chuẩn quốc gia / *National Standard*
- US EPA: United States Environmental Protection Agency / *United States Environmental Protection Agency*
- (c): Kết quả "< 1 CFU" được xem là không phát hiện vi sinh vật mục tiêu trong phần mẫu thử nghiệm. / *The result " < 1 CFU" is considered " target organism not - detectable" in the test portion.*

❖ Thay đổi sau đây do sai sót trong quá trình truyền số liệu

Nội dung / *Item*		Ban đầu / *Initial*	Thay đổi / *Change as*
Kết quả thử nghiệm *Test Result*	Hàm lượng natri (Na) *Sodium content*	8,36	105

1.Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report .
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.